

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/10

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022

Sản phẩm: **Kauropal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Kauropal\* A**

Sử dụng: Hóa chất

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngôi nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

| Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
Sản phẩm: **Kaupol\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

### 3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

| Ethanaminium, 2-hydroxy-N,N-bis(2-hydroxyethyl)-N-methyl-, methyl sulfate (salt)  
| Số CAS: 29463-06-7

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:  
| Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
| Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:  
| Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
| Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:  
| Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:  
| Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến  
| Những mối nguy hiểm: Không có các mối nguy hiểm trong các ứng dụng sản phẩm hoặc khi sử dụng thích hợp.  
| Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
| Phun nước, bột khô, bọt

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
những chất dạng hơi có hại, các oxit cacbon, các oxit nitơ  
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
| Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:  
| Mức độ rủi ro được kiểm soát bởi chất cháy và các điều kiện cháy. Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
Sản phẩm: **Kauopal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

| Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

Cảnh báo môi trường:

| Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

| Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

| Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp.

| Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm. Hình thành các bề mặt trơn trượt với nước.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

| Không phương thức đặc biệt nào cần thiết với điều kiện sản phẩm được sử dụng đúng cách.

Phòng chống cháy nổ:

| Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Hướng dẫn bảo quản

Những vật liệu không thích hợp cho thùng chứa: giấy

| Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

Tính ổn định lưu trữ:

Nhiệt độ lưu trữ: 5 - 40 °C

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: 5 °C

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 40 °C

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

| Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp chưa được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

| Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
 Sản phẩm: **Kauopal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

**Bảo vệ tay:**

Găng tay bảo vệ chống hóa chất

Các vật liệu thích hợp cho tiếp xúc ngắn hạn (khuyến cáo: Ít nhất là chỉ số bảo vệ 2, tương ứng &gt; 30 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1)

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

**Bảo vệ mắt:**

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh.

**Bảo vệ toàn thân:**

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

**Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:**

Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	hơi vàng	
Mùi:	đặc trưng của sản phẩm	
Ngưỡng mùi:	Chưa có thông tin thực nghiệm.	
Giá trị pH:	7 - 8 (20 g/l, 20 °C)	(DIN EN 1262)
nhiệt độ kết tinh:	tương đương -20 °C	
nhiệt độ sôi:	> 180 °C	
Điểm chớp cháy:	tương đương 198 °C	(ISO 2719, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	tương đương 380 °C	(DIN 51794)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
 Sản phẩm: **Kauropol\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được sử dụng như được hướng dẫn.
Tự bắt cháy:	không tự cháy
Khả năng tự gia nhiệt:	Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2.
Nguy cơ nổ:	không nổ
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan
Tính phóng xạ:	không gây nhiễm phóng xạ cho vận chuyển
Áp suất hơi:	Sản phẩm không được thí nghiệm.
Tỷ trọng:	tương đương 1.32 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)
Tỷ trọng tương đối:	tương đương 1.32 (20 °C)
Tỷ trọng hơi (không khí):	Chưa có thông tin thực nghiệm.
Tính tan trong nước:	có thể hòa tan hoàn toàn
Độ hoà tan (định tính) (các dung môi):	các dung môi có cực hoà tan
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	-4.31 (được tính toán) (25 °C)
Sức căng bề mặt:	Không có sẵn các dữ liệu.
Tính nhớt, động lực:	1,430 - 1,490 mPa.s (20 °C) Dữ liệu tài liệu.

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:  
 Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:  
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: Không phân huỷ nếu được sử dụng như được hướng dẫn.

Những chất cần tránh:  
 các axit mạnh, các chất bazơ mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
Sản phẩm: **Kauopal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 20.10.2025

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

| Không xảy ra các phản ứng nguy hiểm khi cất trữ và sử dụng theo hướng dẫn.

| Các sản phẩm phân hủy nguy hại:

| Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường phơi nhiễm

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 5,000 mg/kg

#### Độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): 8 h (IRT)

Không có trường hợp tử vong nào trong vòng thời gian phơi nhiễm đã nêu cho thấy trong các cuộc nghiên cứu động vật.

#### Độc cấp tính trên da

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc khi hít phải. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da.

#### Triệu chứng

| Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

#### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Không kích ứng cho mắt và da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

#### Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Không có tác dụng mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm LLNA chuột: Không làm mẫn cảm. (OECD Hướng dẫn 429)

#### Gây đột biến tế bào

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
Sản phẩm: **Kauopal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Chất không gây đột biến trên vi khuẩn.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Tất cả những thông tin hiện có của chúng tôi cho thấy không có bất cứ dấu hiệu nào về tác động gây ung thư.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Không có sẵn các dữ liệu.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:  
Không có sẵn các dữ liệu.

### **Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

### **Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:  
Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khoẻ nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:  
Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh.

Độc với loài cá:  
LC50 (96 h) > 100 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD 203; ISO 7346; 84/449/EEC, C.1)

Thực vật thủy sinh:  
EC50 (72 h), tảo  
không được xác định

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
Sản phẩm: **Kauopal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC20 (0.5 h) > 1,000 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt (Hướng dẫn OECD 209, ở dưới nước)

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

### Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ không bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Có khả năng hấp thụ trong đất rắn.

### Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân hủy sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Có thể nhanh chóng phân hủy (theo tiêu chuẩn OECD).

Thông tin bị đào thải:

> 70 % giảm DOC (18 d) (Hướng dẫn OECD 301 A (phiên bản mới)) (bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt)

### Tham số/ Giới hạn tổng

Nhu cầu oxy sinh hoá (COD): 800 mg/g

Nhu cầu oxy sinh học (BOD): 50 mg/g

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân hủy sinh học:

Không có khả năng tích lũy đáng kể trong sinh khối.

### Những tác động bất lợi khác

Halogen mạch vòng hữu cơ có khả năng hấp phụ (AOX):

Sản phẩm này không có chứa halogen liên kết hữu cơ.

### Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:

Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Không thải chất chưa được xử lý vào môi trường nước tự nhiên. Việc hít phải quá trình hoạt động phân hủy trong bùn hoạt tính không thể dự đoán được trong khi đưa ra nồng độ thấp.



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
 Sản phẩm: **Kauopal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

### 13. Thông tin về thải bỏ

| Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

| Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

| Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

### 14. Thông tin khi vận chuyển

#### Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

#### Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

#### Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	None known

#### Vận tải hàng không

IATA/ICAO	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng

#### Air transport

IATA/ICAO	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 21.08.2022  
 Sản phẩm: **Kauropal\* A**

Phiên bản: 2.0

(30034934/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in): 20.10.2025

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

## 15. Thông tin về pháp luật

### Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.
  - Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có).
  - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
  - Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
- Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Sản phẩm này là của đặc trưng công nghiệp và trừ khi được chỉ rõ hoặc đồng ý khác được dùng dành riêng cho ngành công nghiệp. Bao gồm cách sử dụng được đề cập và đề nghị. Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Trong sự liên hệ cụ thể này, việc áp dụng cho những sản phẩm là mục tiêu của những quy định và tiêu chuẩn đặc biệt.

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.